

NHẬT BẢN

I. NHẬT BẢN TỪ ĐẦU THẾ KỈ XIX ĐẾN TRƯỚC NĂM 1868

1. Kinh tế, xã hội, chính trị Nhật trước năm 1868

Nhật Bản vẫn là một quốc gia phong kiến, Thiên hoàng có vị trí tối cao nhưng quyền lực thực tế nằm trong tay Sô-gun (tướng quân).

◆ Kinh tế:

- » Nông nghiệp: quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu.
- » Công thương nghiệp: mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

◆ Xã hội:

- » Gồm có 4 tầng lớp: Đaimyô, sumurai, tư sản công thương nghiệp và nông dân thị dân
- » Nổi lên mâu thuẫn giữa nông dân, tư sản thị dân với chế độ phong kiến lạc hậu

◆ Chính trị:

- » Quyền hành thực tế thuộc về Tướng quân nên nổi lên mâu thuẫn giữa Thiên hoàng và các thế lực Tướng quân

2. Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây

Năm 1854, Mạc phủ kí với Mĩ hiệp ước bất bình đẳng.

Anh, Pháp, Nga, Đức cũng bắt Nhật kí những hiệp ước bất bình đẳng với những điều kiện nặng nề.

II. DUY TÂN MINH TRỊ

1. Nguyên nhân

Chính quyền Mạc phủ kí những hiệp ước bất bình đẳng với nước ngoài → mâu thuẫn xã hội gay gắt, nổi lên phong trào "đảo Mạc" → chính quyền Mạc phủ bị lật đổ

Tháng 1/1868, Thiên hoàng Minh Trị đã thực hiện cải cách trên mọi lĩnh vực kinh tế, quân sự...

2. Nội dung:

◆ Chính trị:

- » Thủ tiêu chế độ Mạc phủ, thành lập chính phủ
- » Thực hiện quyền bình đẳng giữa các công dân
- » Năm 1889, ban hành hiến pháp mới, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

◆ **Kinh tế:**

- » Thống nhất tiền tệ (đồng Yên).
- » Thống nhất thị trường, cho phép mua bán ruộng đất, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở nông thôn.
- » Xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống...

◆ **Quân sự:**

- » Quân đội được tổ chức, huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ quân sự thay cho chế độ trưng binh.
- » Chú trọng phát triển công nghiệp đóng tàu chiến, sản xuất vũ khí, đạn dược, mời chuyên gia quân sự nước ngoài.

◆ **Giáo dục:**

- » Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc (3 năm)
- » Chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật trong giảng dạy
- » Cử học sinh đi du học nước ngoài...

3. Kết quả

◆ **Tính chất:** là cuộc cách mạng dân chủ tư sản không triệt để

◆ **Ý nghĩa:**

- » Nhật thoát khỏi số phận một nước thuộc địa.
- » Trở thành một nước tư bản ở châu Á, chuyển nhanh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
- » Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa

III. NHẬT BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

1. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa

◆ **Kinh tế:** 30 năm cuối thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản Nhật phát triển nhanh

- » Công nghiệp nặng, ngoại thương, hàng hải có những chuyển biến quan trọng.
- » Tập trung tư bản, sản xuất trong công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng.
- » Xuất hiện các công ti độc quyền như Mít-xuít, Mít-su-bi-si...

◆ **Đối ngoại:** Thi hành chính sách xâm lược và bành trướng

- » Chiến tranh Đài Loan (1874)
- » Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895)
- » Chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905)

◆ **Tính chất:** Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt

2. Phong trào đấu tranh của công nhân

Công nhân đấu tranh, đòi cải thiện đời sống, đòi quyền tự do, dân chủ.

Các tổ chức nghiệp đoàn ra đời.

Năm 1901, Đảng xã hội dân chủ Nhật được thành lập.

ẤN ĐỘ VÀ TRUNG QUỐC

I. ẤN ĐỘ

1. Tình hình kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX:

Thế kỉ XVII, Ấn Độ suy yếu do sự tranh giành quyền lực giữa các lãnh chúa phong kiến → tạo điều kiện cho các nước phương Tây xâm lược → giữa thế kỉ XIX Ấn Độ trở thành thuộc địa của Anh.

Hậu quả: Đời sống nhân dân Ấn Độ ngày càng khó khăn → Nạn đói liên tiếp xảy ra (20 năm cuối XIX có gần 26 triệu người chết đói).

◆ Về chính trị- xã hội:

Thực dân Anh nắm quyền cai trị trực tiếp Ấn Độ → thực hiện chính sách "chia để trị", mua chuộc giai cấp phong kiến, tìm cách khơi sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội.

2. Đảng Quốc Đại và phong trào dân tộc (1885- 1908):

a. Sự thành lập Đảng Quốc Đại:

◆ Nguyên nhân:

Giữa XIX, giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức Ấn Độ ra đời và đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội (mở nhiều xí nghiệp, làm đại lí tiêu thụ cho các hãng buôn của Anh) → muốn tự do phát triển kinh tế, đòi hỏi được tham gia chính quyền nhưng đều bị thực dân Anh kìm hãm.

Cuối 1885, Đảng Quốc dân đại hội (Đảng Quốc đại) được thành lập tại Bom – bay → chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản, đánh dấu giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng chính trị độc lập.

◆ Hoạt động:

Trong 20 năm đầu (1885-1905) đảng chủ trương đấu tranh theo phương pháp ôn hòa, đòi thực dân Anh tiến hành cải cách, phản đối phương pháp đấu tranh bằng bạo lực (yêu cầu Anh nới rộng các điều kiện để họ tham gia các hội đồng tự trị địa phương, phát triển kĩ nghệ, cải cách giáo dục, xã hội..)

→ Thực dân Anh từ chối và tìm cách hạn chế hoạt động của Đảng Quốc đại.

Phái dân chủ cấp tiến đứng đầu là Ti-lắc phản đối thái độ thỏa hiệp ôn hòa của phái "ôn hòa" và đòi hỏi phải có một thái độ kiên quyết chống Anh → nội bộ Đảng Quốc đại bị chia rẽ.

b. Phong trào dân tộc (1885-1908):

Nhằm hạn chế phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ → Anh tăng cường thực hiện chính sách "chia để trị". Tiêu biểu:

- » Tháng 7/1905, Anh ban hành đạo luật chia đôi xứ Bengan (miền Đông theo đạo Hồi, miền Tây theo đạo Ấn) → bùng lên phong trào đấu tranh chống thực dân Anh, đặc biệt ở Bom-bay và Can-cút-ta.
 - » Ngày 16/10/1905, đạo luật chia cắt Bengan có hiệu lực → nhân dân coi đó là ngày quốc tang, hơn 10 vạn người đến bên bờ sông Hằng làm lễ tuyên thệ, tỏ ý chí đoàn kết, thống nhất với khẩu hiệu "Ấn Độ của người Ấn Độ".
 - » Tháng 6/1908, Ti-lắc bị bắt và bị Anh kết án 6 năm tù → Hàng vạn công nhân ở Bom-bay tiến hành tổng bãi công trong 6 ngày, xây dựng chiến lũy trên đường phố, thành lập các đơn vị chiến đấu chống lại quân Anh.
- Cuộc đấu tranh lên đến đỉnh cao, buộc thực dân Anh phải thu hồi lại đạo luật chia đôi xứ Bengan, cho người Ấn Độ tham gia các hoạt động tại địa phương.

◆ Ý nghĩa:

- » Cao trào 1905-1908 thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân Anh.
- » Cao trào này do một bộ phận giai cấp tư sản Ấn Độ lãnh đạo, mang đậm ý thức dân tộc với mục tiêu vì một nước Ấn Độ độc lập và dân chủ, đánh dấu sự thức tỉnh của nhân dân Ấn Độ, hòa chung vào trào lưu dân tộc dân chủ của nhiều nước châu Á trong những năm đầu thế kỉ XX.
- » Tuy nhiên chính sách chia rẽ của thực dân Anh và sự phân hóa trong Đảng Quốc Đại đã làm cho phong trào tạm ngừng.

II. TRUNG QUỐC

1. Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX:

◆ Nguyên nhân:

Trước sự xâm lược của các nước đế quốc và thái độ thỏa hiệp của triều đình Mãn Thanh, từ giữa XIX nhân dân Trung Quốc liên tục nổi dậy đấu tranh chống phong kiến, chống đế quốc.

a. Cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc:

◆ Lãnh đạo: Hồng Tú Toàn

◆ **Diễn biến:** 1/1/1851, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Kim Điền (Quảng Tây), sau lan rộng ra nhiều địa phương khác, kéo dài suốt 14 năm, xây dựng được chính quyền ở Thiên kinh, thi hành nhiều chính sách tiến bộ (ruộng đất, giáo dục, bình đẳng nam, nữ...).

◆ **Kết quả:** khởi nghĩa thất bại vào năm 1864 do chính quyền Mãn Thanh được sự giúp đỡ của các nước đế quốc đã đàn áp phong trào.

b. Cuộc vận động Duy Tân 1898

- ◆ **Nguyên nhân:** trong bối cảnh Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược, một số sĩ phu phong kiến tiến bộ Trung Quốc đã chủ trương tiến hành cải cách, duy tân đất nước.
- ◆ **Lãnh đạo:** Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu cùng sự ủng hộ, đồng tình của vua Quang Tự.
- ◆ **Nội dung:** tiến hành cải cách trên tất cả các lĩnh vực: giáo dục, kinh tế, quân đội, chính trị...
- ◆ **Kết quả:** thất bại sau 103 ngày tồn tại.
- ◆ **Nguyên nhân thất bại:**
 - » Do phong trào chỉ phát triển chủ yếu trong tầng lớp quan lại, sĩ phu phong kiến có ý thức tiếp thu tư tưởng tiên tiến mà không dựa vào lực lượng nhân dân.
 - » Vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của phái thủ cựu đứng đầu là Từ Hi thái hậu.
 - » Vua Quang Tự không có thực quyền.

2. Tôn Trung Sơn và cách mạng Tân Hợi (1911)

a. Tôn Trung Sơn và Trung Quốc đồng minh hội

Đầu thế kỉ XX, giai cấp tư sản Trung Quốc lớn mạnh, tập hợp lực lượng nắm lấy vai trò lãnh đạo cách mạng. Đại diện tiêu biểu: Tôn Trung Sơn.

Đầu 1905, phong trào chống đế quốc, phong kiến của nhân dân Trung Quốc phát triển mạnh mẽ → Tôn Trung Sơn từ châu Âu về Nhật Bản thành lập chính đảng của giai cấp tư sản Trung Quốc.

Tháng 8/ 1905, Trung Quốc đồng minh hội ra đời tại Tôkyô

- ◆ **Thành phần:** trí thức tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh...
- ◆ **Cương lĩnh:** dựa trên học thuyết "Tam dân" của Tôn Trung Sơn (dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc).
- ◆ **Mục tiêu:** đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc, bình quân địa quyền. → Phong trào cách mạng phát triển theo con đường dân chủ tư sản, chuẩn bị tích cực tiến tới một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

b. Cách mạng Tân Hợi 1911

- ◆ **Nguyên nhân trực tiếp:** 9/5/1911, chính quyền Mãn Thanh ra lệnh quốc hữu hóa đường sắt, trao quyền kinh doanh đường sắt cho các nước đế quốc, bán rẻ quyền lợi dân tộc → " phong trào bảo vệ đường sắt".
- ◆ **Diễn biến:**
 - » 10/10/1911, Đồng minh hội phát động cuộc khởi nghĩa ở Vũ Xương, nhanh chóng giành thắng lợi và lan rộng ra các tỉnh miền Nam và miền Trung.

- » 9/12/1911, Quốc dân đại hội họp tại Nam kinh, tuyên bố thành lập Trung Hoa dân quốc, bầu Tôn Trung Sơn làm Đại tổng thống, đứng đầu chính phủ lâm thời; Thông qua Hiến pháp, công nhận quyền bình đẳng và quyền tự do dân chủ của nhân dân, nhưng không đề cập đến vấn đề ruộng đất.
 - » Trước thắng lợi bước đầu của cách mạng, một số người lãnh đạo cách mạng chủ trương thỏa hiệp với Viên Thế Khải vì sợ cách mạng đi quá xa, ảnh hưởng đến quyền lợi của giai cấp địa chủ phong kiến.
 - » 2/12/1912 Tôn Trung Sơn bị buộc phải từ chức → 6/3/1912 Viên Thế Khải nhậm chức Đại tổng thống nước Trung Hoa dân quốc. Cách mạng chấm dứt, chính quyền rơi vào tay thế lực phong kiến quân phiệt.
- ◆ **Tính chất:** Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản không triệt để. **Vi:**
- » Không thủ tiêu chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến.
 - » Không chia ruộng đất cho nông dân.
 - » Chưa xóa bỏ được sự nô dịch của nước ngoài.
- ◆ **Ý nghĩa:**
- » Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế hơn 2000 năm ở Trung Quốc.
 - » Thành lập nền cộng hòa và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
 - » Ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á → "Cách mạng Tân Hợi là cơn bão táp cách mạng".

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á, CHÂU PHI, MỸ LATINH

I. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

1. Quá trình xâm lược của Chủ nghĩa thực dân vào các nước Đông Nam Á

Nguyên nhân:

- ◆ Các nước tư bản cần thị trường, thuộc địa.
- ◆ Đông Nam Á là một khu vực rộng lớn, đông dân, giàu tài nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng.
- ◆ Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng triền miên

Quá trình thực dân xâm lược Đông Nam Á:

Tên nước	Thực dân xâm lược	Thời gian hoàn thành xâm lược
Indonesia	Bồ Đào Nha – Tây Ban Nha – Hà Lan	Giữa thế kỉ XIX
Philippin	Tây Ban Nha Mỹ	Giữa thế kỉ XVI 1899 – 1902
Mianma	Anh	1885
Malaysia	Anh	Đầu thế kỉ XIX
Việt Nam		1858 – 1884
Lào	Pháp	1893
Campuchia		1863

2. Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Cam-pu-chia

Bối cảnh Cam-pu-chia giữa thế kỷ XIX:

- ◆ Năm 1863, Cam-pu-chia chấp nhận sự bảo hộ của Pháp.
- ◆ Năm 1884, Pháp gạt Xiêm, biến Cam-pu-chia thành thuộc địa của Pháp.

Phong trào đấu tranh:

Phong trào đấu tranh	Thời gian	Địa bàn hoạt động	Kết quả
Khởi nghĩa Si-vô-tha	1861 – 1892	U-đông, Phnom Pênh	Thất bại
Khởi nghĩa A-cha-xoa	1863 – 1866	Các tỉnh giáp biên giới Việt Nam	
Khởi nghĩa Pu-côm-bô	1866 – 1867	Pa-man, U-đông	

3. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Lào đầu thế kỉ XX

Hoàn cảnh:

- ◆ Giữa thế kỉ XIX, chế độ phong kiến suy yếu Lào phải thuần phục Thái Lan.
- ◆ Năm 1893, Lào trở thành thuộc địa của Pháp.

Phong trào đấu tranh:

Phong trào đấu tranh	Thời gian	Địa bàn hoạt động	Kết quả
Khởi nghĩa Pha-ca-đuốc	1901-1903	Xa-va-na-khét, biên giới Việt -Lào	Thất bại
Khởi nghĩa Ong Kẹo - Com-ma-đam	1836 - 1866	Cao nguyên Bô-lô-ven	
Khởi nghĩa Châu Pa-chay	1918-1922	Bắc Lào, Tây Bắc Việt Nam	

4. Xiêm giữa thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Hoàn cảnh:

- ◆ Năm 1752, triều đại Ra-ma được thiết lập, theo đuổi chính sách đóng cửa.
- ◆ Giữa thế kỉ XIX, thực dân phương Tây đe dọa xâm lược, vua Ra-ma IV đã thực hiện mở cửa.
- ◆ Từ năm 1868, Ra-ma V đã thực hiện nhiều chính sách cải cách.

Nội dung cải cách:

- ◆ Kinh tế:
 - » *Nông nghiệp*: giảm nhẹ thuế ruộng, xóa bỏ chế độ lao dịch.
 - » *Công thương nghiệp*: Khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh, xây dựng nhà máy, mở hiệu buôn, ngân hàng.
- ◆ Chính trị:
 - » *Đối nội*:
 - Cải cách theo khuôn mẫu phương Tây.
 - Đứng đầu nhà nước vẫn là vua.
 - Giúp việc có hội đồng nhà nước (nghị viện).
 - Chính phủ có 12 bộ trưởng
 - Quân đội, tòa án, trường học được cải cách theo khuôn mẫu phương Tây.
 - » *Đối ngoại*: Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo.
- ◆ *Xã hội*: xóa bỏ chế độ nô lệ
- ◆ *Tính chất*: cách mạng tư sản không triệt để

II. CÁC NƯỚC CHÂU PHI CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

1. Tình hình châu Phi nửa đầu thế kỉ XIX

- ◆ Những năm 70 – 80 thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đua nhau xâm lược châu Phi.
- ◆ Đầu thế kỉ XX, việc phân chia thuộc địa giữa các đế quốc căn bản hoàn thành

2. Các cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân châu Phi

NƯỚC	THỜI GIAN	PHONG TRÀO TIÊU BIỂU
<i>An-giê-ri</i>	1830-1874	Áp-đen Ca-đê
<i>Ai Cập</i>	1879	Phong trào "Ai Cập trẻ" do Atmet Arabi lãnh đạo
<i>Xu-đăng</i>	1882	Phong trào đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Mu-ha-mét Át-mét
<i>Ê-ti-ô-pi-a</i>	Cuối TK XIX – đầu TK XX	Nhân dân kháng chiến chống thực dân I-ta-li-a

III. CÁC NƯỚC MỸ LATINH CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

Chế độ thực dân ở Mỹ Latinh:

- ◆ Thế kỉ XVI - XVII, đa số các nước Mỹ Latinh là thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.
- ◆ Chủ nghĩa thực dân đã thiết lập chế độ thống trị phản động, tàn khốc.

Nhân dân Mỹ Latinh đấu tranh:

- ◆ 1791, Lu-véc-tuy-a lãnh đạo nhân dân Ha-i-ti giành độc lập.
- ◆ 1816, Ác-hen-ti-na giành độc lập.
- ◆ 1821, Mê-hi-cô và Pê-ru giành độc lập.

Đầu thế kỉ XX, Mỹ âm mưu thiết lập nền thống trị ở châu Mỹ, biến Mỹ Latinh thành "sân sau" của Mỹ.

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

I. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH

1. Nguyên nhân sâu xa

Sự phát triển không đồng đều của các nước tư bản về kinh tế, chính trị.

Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa.

Hình thành hai khối đế quốc đối lập nhau:

- » Phe Liên minh: Đức, Áo-Hung, Ý
- » Phe Hiệp ước: Anh, Pháp, Nga

2. Nguyên nhân trực tiếp

1912-1913: tình hình Ban-căng căng thẳng.

28/6/1914: thái tử Áo-Hung bị ám sát.

II. DIỄN BIẾN CHIẾN TRANH

1. Giai đoạn 1 (1914 – 1916)

◆ Chiến tranh bùng nổ:

- » 28/7/1914: Áo-Hung tuyên chiến với Xéc-bia.
- » 1/8/1914: Đức tuyên chiến với Nga.
- » 3/8/1914: Đức tuyên chiến với Pháp.
- » 4/8/1914: Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh bùng nổ.

◆ Năm 1914:

- » Phía Tây: 3/8, Đức chiếm Bỉ, uy hiếp Pa-ri.
- » Phía Đông: Nga tấn công Đông Phổ.
- » Pháp phản công, Anh đổ bộ lên châu Âu.
- » Tháng 9/1914, Pa-ri được cứu nguy.

◆ Năm 1915:

- » Phía Đông: Đức, Áo-Hung tấn công Nga, hai bên ở vào thế cầm cự.

◆ Năm 1916:

- » Đức chuyển sang Mặt trận phía Tây, tấn công Véc-đoong nhưng thất bại.
- » Cuối 1916, Đức, Áo-Hung chuyển sang phòng ngự.

2. Giai đoạn 2 (1917 – 1918)

◆ Năm 1917:

- » Tháng 2/1917, Cách mạng dân chủ tư sản Nga thành công, chính phủ lâm thời tư sản vẫn tiếp tục tham chiến.
- » 2/4/1917, Mĩ tuyên chiến.
- » Tháng 11/1917, Cách mạng tháng Mười Nga thành công.

◆ Năm 1918:

- » Mĩ trực tiếp tham chiến. Anh, Pháp phản công trên các mặt trận.
- » Tháng 9/1918, Đức thất bại, các đồng minh của Đức buộc phải đầu hàng.
- » 11/11/1918, Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc.

III. KẾT CỤC CHIẾN TRANH

1. Hệ quả của chiến tranh

- ◆ **Hậu quả:** 10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương; kinh tế châu Âu bị kiệt quệ; chi phí chiến tranh lên đến 85 tỉ đôla.
- ◆ **Tác động:**
 - » Chiến tranh thế giới thứ nhất đã kết thúc thời cận đại.
 - » Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự thành lập nhà nước Xô Viết đánh dấu bước chuyển lớn trong cục diện chính trị thế giới.

2. Tính chất của chiến tranh

Chiến tranh đế quốc phi nghĩa.

THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI

I. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NỀN VĂN HÓA BUỔI ĐẦU THỜI CẬN ĐẠI

1. Điều kiện lịch sử

- ◆ Kinh tế: phát triển
- ◆ Chính trị - xã hội: chế độ phong kiến đang lung lay

2. Thành tựu

- ◆ Tư tưởng:
 - » Trào lưu Triết học Ánh sáng thế kỉ XVII-XVIII ở Pháp
 - » Tiêu biểu: Mông-te-xki-ơ, Vôn-te , G.Rút-xô
- ◆ Văn học:

Tác giả	Đặc điểm
Pi-e Cooc-nây	Đại diện xuất sắc của nền bi kịch cổ điển Pháp
La Phông-ten	Nhà thơ ngụ ngôn Pháp và văn học cổ điển Pháp
Mô-li-e	Người mở đầu cho nền hài kịch cổ điển Pháp

- ◆ Âm nhạc: Mô-da, Bét-tô-ven
- ◆ Hội họa: Rem-bran

3. Tác dụng

Phản ánh hiện thực xã hội ở các nước trên thế giới thời kỳ cận đại.

Hình thành quan điểm, tư tưởng của con người tư sản, tấn công vào thành trì của chế độ phong kiến, góp phần vào thắng lợi của chủ nghĩa tư bản.

Có tác dụng giáo dục đối với mọi lứa tuổi, mọi thời đại.

Thể hiện khát vọng công bằng, cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người.

II. THÀNH TỰU CỦA VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT TỪ GIỮA XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

1. Điều kiện lịch sử

Chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc.

Các nước đế quốc tăng cường xâm lược thuộc địa.

Đời sống nhân dân lao động khổ cực.

2. Thành tựu

◆ Văn học:

Tác giả	Tác phẩm
Víchto Huy-gô	Những người khốn khổ
Lép Tôn-xtôi	Chiến tranh và hòa bình
Mác-Tuên	Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoay - ơ
Ta-go	Thơ Dâng
Lỗ Tấn	A.Q. Chính truyện; Nhật kí người điên; Thuốc...
Hô-xê Ri-đan	Đừng động vào tôi
Hôxê Mác-ti	nhà thơ nổi tiếng của Cuba

◆ Nghệ thuật:

- » Kiến trúc: cung điện Véc xai được hoàn thành vào năm 1708
- » Hội họa: phát triển nhất là ở Pháp (Pi-cát-xô, Lê-vi-tan)
- » Âm nhạc Trai-cốp-xki – Hồ Thiên Nga

3. Tác dụng

Phản ánh hiện thực xã hội, mong ước xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn.

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ

I. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA (1917)

1. Nước Nga trước cách mạng

- ◆ Chính trị: nước quân chủ chuyên chế.
- ◆ Kinh tế: lạc hậu
- ◆ Xã hội: đời sống nhân dân cực khổ → phong trào phản chiến dâng cao

2. Từ cách mạng tháng Hai đến cách mạng tháng Mười

a. Cách mạng dân chủ tư sản tháng 2/1917

- ◆ Diễn biến:
 - » 2/1917, cách mạng bùng nổ
 - » Quân khởi nghĩa bắt giam các tướng tá của Nga hoàng.
- ◆ Kết quả:
 - » Chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ.
 - » Xô viết đại biểu đại biểu công nhân, nông dân và binh lính thành lập.
 - » Giai cấp tư sản lập chính phủ lâm thời.
- ◆ Tính chất: cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới

b. Cách mạng tháng Mười Nga 1917

- ◆ Hoàn cảnh:
 - » Sau cách mạng tháng Hai, Nga tồn tại 2 chính quyền song song.
 - » Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích xác định chuyển cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng XHCN.
- ◆ Diễn biến:
 - » Đêm 24/10/1917, khởi nghĩa ở Pê-tô-rơ-grát bắt đầu.
 - » Đêm 25/10/1917, quân khởi nghĩa hiếm cung điện Mùa Đông. Hầu hết chính phủ lâm thời tư sản bị bắt.
 - » Đầu 1918, cách mạng thắng lợi hoàn toàn.
- ◆ Tính chất: cách mạng XHCN

3. Ý nghĩa lịch sử cách mạng tháng Mười Nga

a. Đối với Nga

- » Làm thay đổi hoàn toàn nước Nga.
- » Mở ra kỉ nguyên mới: nhân dân lên nắm chính quyền

b. Đòi với thế giới

- » Làm thay đổi cục diện thế giới .
- » Cổ vũ và để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho cách mạng thế giới.

II. LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 – 1941)

1. Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế (1921 – 1925)

a. Chính sách kinh tế mới

◆ Hoàn cảnh lịch sử:

- » Kinh tế: bị tàn phá nghiêm trọng
- » Xã hội: đời sống nhân dân khó khăn
- » Chính trị: không ổn định

3/1921, Đảng Bôn-sê-vích quyết định thực hiện Chính sách mới (NEP)

◆ Nội dung:

- » Nông nghiệp: ban hành thuế nông nghiệp
- » Công nghiệp:

Khôi phục công nghiệp nặng

Tư nhân hóa những xí nghiệp nhỏ

Khuyến khích nước ngoài đầu tư vào Nga

- » Thương nghiệp – tiền tệ:

Cho phép tự do buôn bán

1924, phát hành đồng rúp mới

◆ Ý nghĩa:

- » Chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần có sự kiểm soát của nhà nước
- » Để lại nhiều bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng CNXH ở một số nước

b. Liên bang Xô viết thành lập

- ◆ Hoàn cảnh: Các dân tộc trên lãnh thổ Xô Viết phải liên minh chặt chẽ với nhau
- ◆ Thành lập: 12/1922, Liên Bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết thành lập

2. Công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925 – 1941)

a. Những kế hoạch 5 năm đầu tiên:

◆ Giai đoạn 1928-1937:

- » Nhiệm vụ: trở thành nước công nghiệp
- » Biện pháp: ưu tiên phát triển công nghiệp nặng và thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn

» Kết quả:

- Công nghiệp: năm 1937, sản lượng công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản phẩm quốc dân
- Nông nghiệp: tập thể hóa nông nghiệp
- Văn hóa - giáo dục: thanh toán nạn mù chữ, phát triển giáo dục phổ thông
- Xã hội: xóa bỏ giai cấp bóc lột

◆ Giai đoạn 1937-1941:

- » Năm 1937, Liên Xô tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần ba.

b. Ngoại giao:

- » Xác lập quan hệ với các nước châu Á, châu Âu
- » Năm 1933, đặt quan hệ ngoại giao với Mỹ

CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI

I. TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI.

1. Thiết lập trật tự thế giới mới Vécxai – Oasinhtơn

a. Hoàn cảnh:

1919-1920: hội nghị hòa bình ở Vécxai

1921 – 1922: hội nghị hòa bình ở Oasinhtơn

b. Nội dung – hệ quả:

Phân chia quyền lợi.

Một trật tự thế giới mới được thiết lập mang tên hệ thống hòa ước Vécxai – Oasinhtơn

2. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933

a. Nguyên nhân:

» 1924 – 1929, các nước tư bản ổn định chính trị và tăng trưởng kinh tế.

» Sản xuất ồ ạt, chạy theo lợi nhuận dẫn đến cung vượt cầu.

Tháng 10/1929, khủng hoảng kinh tế bùng nổ đầu tiên ở Mỹ.

b. Hậu quả:

» *Kinh tế*: bị tàn phá nặng nề

» *Xã hội*: công nhân thất nghiệp, nông nhân mất ruộng đất → đấu tranh

» *Chính trị*:

• Đe dọa sự tồn tại của Chủ nghĩa tư bản

• Hình thành 2 khối đối lập: Mỹ – Anh – Pháp và Đức – Italia – Nhật chạy đua vũ trang

II. NƯỚC ĐỨC (1918 – 1930)

1. Khủng hoảng kinh tế và quá trình Đảng Quốc Xã lên cầm quyền:

Năm 1929, khủng hoảng kinh tế bắt đầu.

◆ Hậu quả:

» *Kinh tế*: 1932: sản xuất công nghiệp giảm 47% so với trước khủng hoảng, hàng nghìn nhà máy – xí nghiệp đóng cửa.

» *Xã hội*: hơn 5 triệu người thất nghiệp → quần chúng lao động đấu tranh.

» *Chính trị:*

- Giai cấp tư sản đưa Hít-le lên nắm chính quyền (30/1/1933: Hít-le lên làm thủ tướng)
- Đảng Cộng Sản Đức kiên quyết đấu tranh song thất bại.

2. Đức (1933 – 1939):

◆ Kinh tế: Tổ chức nền kinh tế theo hướng tập trung mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự

◆ Chính trị:

» *Đối nội:*

- Từ năm 1933, Hit-le thiết lập nền chuyên chính độc tài
- Năm 1934, Hit-le tự xưng là Quốc trưởng suốt đời
- Công khai khủng bố các Đảng phái dân chủ tiến bộ, đặt Đảng Cộng Sản ngoài vòng pháp luật

» *Đối ngoại:*

- Tháng 10/1933, Đức rút khỏi Hội Quốc Liên
- Năm 1935, ra lệnh tổng động viên
- Kí với Nhật "Hiệp ước chống Quốc tế Cộng sản, hình thành khối phát xít Đức – Italia-Nhật

III. NƯỚC MỸ (1918 – 1939)

1. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933)

a. Diễn biến

29/10/1929: khủng hoảng kinh tế bùng nổ

1932: khủng đạt đến đỉnh cao

b. Hậu quả

Sản lượng công nghiệp còn 53,8% (1932); 11,5 vạn công ty bị phá sản; 10 vạn ngân hàng đóng cửa; hàng chục triệu người thất nghiệp.

c. Chính sách mới của tổng thống Ru-dơ-ven:

» *Hoàn cảnh:* Ru-dơ-ven thực hiện Chính sách mới (cuối 1932)

» *Nội dung:*

- Nhà nước can thiệp tích cực vào đời sống kinh tế.
- Giải quyết nạn thất nghiệp thông qua các đạo luật: ngân hàng, phục hưng công nghiệp, điều chỉnh nông nghiệp.

» *Nhận xét:* nhà nước dùng sức mạnh và biện pháp để điều tiết kinh tế, giải quyết các vấn đề chính trị, xã hội, vai trò của nhà nước được tăng cường.

» *Kết quả:*

- Giải quyết việc làm cho người thất nghiệp, xoa dịu mâu thuẫn xã hội
- Khôi phục được sản xuất
- Từ sau 1933, thu nhập quốc dân tăng liên tục

» *Đối ngoại:*

- Thực hiện chính sách "Láng giềng thân thiện"
- 11/1933, công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô
- Trung lập với các xung đột quân sự ngoài ngoài nước Mỹ

IV. NHẬT BẢN (1918 – 1939)

1. Khủng hoảng kinh tế - quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước

a. Khủng hoảng kinh tế:

1929 – 1933: khủng hoảng kinh tế

◆ *Biểu hiện:*

- » *Kinh tế:* năm 1931, sản lượng công nghiệp giảm 32,5%; nông nghiệp giảm 1,7 tỷ yên, ngoại thương giảm 80%; đồng yên sụt giá.
- » *Xã hội:* nông dân bị phát sản, công nhân thất nghiệp

b. Quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước

- ◆ *Biện pháp:* Tư sản chủ trương quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược

» *Chính trị:*

- Đối nội: Thực hiện chế độ chuyên chế độc tài phát xít
- Đối ngoại: gây chiến tranh xâm lược như đánh chiếm Đông Bắc Trung Quốc (1931); dựng chính phủ bù nhìn Trung Quốc (1933)

2. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của nhân dân Nhật Bản

Thời gian: thập niên 30 thế kỉ XX

Lãnh đạo: Đảng Cộng Sản

Hình thức: biểu tình, bãi công

Chủ trương: lập Mặt trận nhân dân

Mục đích: phản đối chính sách xâm lược của chính quyền

Kết quả: làm chậm quá trình quân phiệt hóa bộ máy Nhà nước

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ VÀ ĐÔNG NAM Á (1918 – 1939)

I. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC (1918 – 1939)

1. Phong trào Ngũ Tứ

a. Diễn biến:

Ngày 4/5/1919, phong trào Ngũ Tứ bùng nổ mở đầu là cuộc biểu tình của 3000 học sinh – sinh viên, nhằm phản đối âm mưu xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.

Phong trào nhanh chóng lan rộng khắp cả nước, lôi cuốn sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân.

b. Ý nghĩa:

Mở đầu cho cao trào cách mạng chống Đế quốc và chống phong kiến.

Giai cấp công nhân xuất hiện như một lực lượng chính trị độc lập.

Đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng Dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng Dân chủ tư sản kiểu mới.

2. Sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc

a. Hoàn cảnh:

Sau phong trào Ngũ Tứ, chủ nghĩa Mác – Lênin truyền bá mạnh mẽ

b. Thành lập:

Tháng 7/1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập.

c. Ý nghĩa:

Đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc

Giai cấp vô sản từng bước nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng

II. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ẤN ĐỘ (1918 – 1939)

Giai đoạn	1918 - 1929
Hoàn cảnh	Thực dân Anh thi hành bóc lột, thi hành luật hà khắc, mâu thuẫn xã hội gay gắt.
Lãnh đạo	Đảng Quốc đại đứng đầu là M.Gan-đi
Hình thức – phương pháp đấu tranh	Hòa bình, không sử dụng bạo lực
Lực lượng tham gia	Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, thị dân
Sự kiện tiêu biểu	Tẩy chay hàng Anh; Không nộp thuế
Kết quả	12/1925, Đảng Cộng sản Ấn Độ thành lập.

III. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

1. Tình hình các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

- ◆ Phong trào dân tộc tư sản phát triển mạnh, có ảnh hưởng xã hội rộng rãi.
- ◆ Đầu thế kỉ XX, xu hướng vô sản xuất hiện, giai cấp vô sản trưởng thành.

2. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Lào và Campuchia

Tên nước	Thời gian	Sự kiện
Lào	Ba mươi năm đầu thế kỉ XX	Khởi nghĩa Ong Kẹo và Com-ma-đam
	1918 - 1922	Khởi nghĩa Chậu Pa-chay ở Bắc Lào và Tây Bắc (Việt Nam)
Campuchia	1925 - 1926	Phong trào chống thuế, chống bắt phu ở Prây-ven, Công-pông Chàm, Công-pông Chơ-năng...

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

I. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH

1. Các nước phát xít đẩy mạnh xâm lược (1931 – 1937)

Đầu những năm 30 của TK XX, các nước Đức – Italia – Nhật liên kết với nhau thành lập khối liên minh phát xít.

Giai đoạn 1931 – 1937: khối phát xít tăng cường các hoạt động quân sự và gây chiến tranh ở nhiều khu vực.

→ Tham vọng gây chiến tranh chia lại thế giới của phe phát xít; nguy cơ chiến tranh tới gần

◆ Thái độ của các nước lớn:

» Liên Xô: liên kết với các nước tư bản, chống phát xít, chống chiến tranh.

» Anh – Pháp – Mĩ: không liên kết với Liên Xô nhưng bộ phát xít

→ đẩy chiến tranh về phía Liên Xô.

2. Từ hội nghị Mui-ních đến Chiến tranh thế giới

◆ Hoàn cảnh: Tháng 3/1938, Đức thôn tính Áo, gây ra vụ Xuy-đét.

◆ Thái độ các nước lớn:

» Liên Xô: sẵn sàng giúp Tiệp Khắc

» Anh, Pháp: tiếp tục chính sách thỏa hiệp, yêu cầu Tiệp Khắc nhượng bộ Đức.

Ngày 29/9/1938, Hội nghị Mui – ních được triệu tập.

◆ Nội dung:

» Anh – Pháp trao vùng Xuy – đét của Tiệp Khắc cho Đức

» Hít-le cam kết chấm dứt mọi cuộc thôn tính châu Âu

◆ Nhận xét về hội nghị Mui-ních

» Là đỉnh cao của chính sách nhượng bộ phát xít của Anh, Pháp.

» Thể hiện âm mưu thống nhất của chủ nghĩa đế quốc trong việc tiêu diệt Liên Xô.

» Đức đưa quân thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (3/1939).

» Đức gây hấn và chuẩn bị tấn công Ba Lan.

» Ngày 23/8/1939, bản hiệp ước Xô - Đức không xâm lược lẫn nhau được kí kết.

◆ Nguyên nhân chiến tranh:

» Sâu xa: Sự phát triển không đồng đều giữa các nước tư bản

» Trực tiếp: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933

→ chủ nghĩa phát xít ra đời

◆ Thủ phạm chiến tranh

» Các nước phát xít Đức - Italia - Nhật và chính sách thỏa hiệp, nhượng bộ của Anh, Pháp, Mĩ.

II. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI BÙNG NỔ VÀ LAN RỘNG Ở CHÂU ÂU (TỪ THÁNG 9/1939 ĐẾN THÁNG 9/1940)

1. Phát xít Đức tấn công Ba Lan và xâm chiếm châu Âu (từ tháng 9/1939 đến tháng 9/1940)

1/9/1939, Đức tấn công Ba Lan

3/9/1939, Anh – Pháp tuyên chiến với Đức.

→ Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ

Tháng 4/1940, quân Đức chiếm hầu hết các nước Đan Mạch, Na Uy, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

Tháng 4/1940, Đức tấn công Pháp.

Tháng 6/1940, Đức chiếm $\frac{3}{4}$ lãnh thổ Pháp.

Tháng 7/1940, Đức tiến hành cuộc tấn công không quân nước Anh.

2. Phe phát xít bành trướng ở Đông và Nam Âu (từ tháng 9/1940 đến tháng 6/1941)

Đọc thêm

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

I. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH

II. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI BÙNG NỔ VÀ LAN RỘNG Ở CHÂU ÂU (TỪ THÁNG 9/1939 ĐẾN THÁNG 9/1940)

III. CHIẾN TRANH LAN RỘNG KHẮP THẾ GIỚI (T6/1941 – T11/1942)

1. Phát xít Đức tấn công Liên Xô. Chiến sự ở Bắc Phi

a. Mặt trận Xô – Đức

22/6/1941: Đức tấn công Liên Xô, bao vây Leningrat, chiếm Kiev và đe dọa Matxcơva.

T12/1941: Nhân dân Liên Xô chống trả quyết liệt, bảo vệ thành công Matxcơva, làm phá sản chiến lược "chiến tranh chớp nhoáng" của Hitler.

Cuối năm 1942: Đức chuyển hướng tấn công xuống Stalingrad song không thể chiếm được thành phố.

b. Mặt trận Bắc Phi

T9/1940: Quân Italia tấn công Ai Cập

T10/1942: Liên quân Anh – Mỹ giành thắng lợi ở En Alamen (Ai Cập) và chuyển sang phản công.

2. Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ

T9/1940: Nhật kéo vào Đông Dương. Quan hệ Mỹ – Nhật trở nên căng thẳng.

7/12/1941: Nhật bất ngờ tấn công Mỹ tại Trân Châu Cảng.

→ Mỹ tuyên chiến với Nhật. Chiến tranh lan rộng ra toàn thế giới.

T12/1941 – T5/1942: Nhật tấn công Đông Á, Đông Nam Á và bành trướng ra Thái Bình Dương.

3. Khối Đồng minh chống phát xít hình thành

1/1/1942: Khối Đồng minh chống phát xít được thành lập gồm 26 nước (Đứng đầu là Liên Xô – Anh – Mỹ).

IV. QUÂN ĐỒNG MINH PHẢN CÔNG. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI KẾT THÚC (T11/1942 – T8/1945)

1. Quân Đồng minh phản công (T11/1942 – T6/1944)

a. Mặt trận Xô – Đức

T11/1942: Hồng quân Liên Xô phản công tại Xtalingrat thành công – tạo ra một bước ngoặt của cuộc chiến.

Từ T7 đến T8/1943: Hồng quân Liên Xô đánh bại cuộc phản công của Đức tại Cốc-xơ khiến Đức rơi vào thế phòng ngự.

b. Ở Italia

T7/1943: Liên quân Anh – Mỹ chiếm đảo Sicilia. Phát xít Italia sụp đổ.

c. Mặt trận Bắc Phi

Từ T3 - T5/1943: Liên quân Anh - Mỹ phản công đánh bại phe phát xít.

→ Chiến sự kết thúc ở châu Phi

d. Mặt trận Thái Bình Dương

T1/1943: Sau chiến thắng quân Nhật trong trận Gua-đan-ca-nan Mĩ phản công đánh chiếm các đảo ở Thái Bình Dương.

2. Phát xít Đức bị tiêu diệt. Nhật Bản đầu hàng. Chiến tranh kết thúc

a. Phát xít Đức bị tiêu diệt

◆ Năm 1944:

» **Đầu năm 1944:** Sau khi giải phóng các nước Trung và Đông Âu, Hồng quân Liên Xô mở cuộc tấn công Đức ở mặt trận phía Đông.

» **Hè 1944:** Liên quân Mỹ - Anh mở mặt trận thứ 2 tấn công Đức. Giải phóng Pháp và các nước Tây Âu

◆ Năm 1945:

» **T1/1945:** Hồng quân Liên Xô tấn công nước Đức ở phía Đông.

» **T2/1945:** Liên quân Anh - Mỹ tấn công nước Đức từ phía Tây. 25/4/1945 gặp Hồng quân Liên Xô tại Toóc-gâu.

» **16/4/1945:** Hồng quân Liên Xô tấn công Berlin.

» **30/4/1945:** Liên Xô chiếm Berlin.

» **2/5/1945:** Chính phủ Đức đầu hàng. Chiến sự ở châu Âu kết thúc.

b. Nhật Bản đầu hàng. Chiến tranh kết thúc

Năm 1944: Liên quân Mỹ – Anh đánh chiếm Miến Điện và Philippin, các đảo ở Thái Bình Dương.

6/8/1945: Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima giết hàng 8 vạn người.

8/8/1945: Liên xô tuyên chiến với Nhật và tấn công quân Nhật ở Mãn Châu.

9/8/1945: Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nagasaki giết 2 vạn người.

15/8/1945: Chính phủ Nhật đầu hàng. Thế chiến II kết thúc.

V. KẾT CỤC CHIẾN TRANH

Chiến tranh chấm dứt với sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít và thắng lợi thuộc về phe Đồng minh.

Liên Xô, Mĩ, Anh là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt phát xít.

Là cuộc chiến tranh lớn nhất và để lại hậu quả nặng nề nhất trong lịch sử loài người.

NHÂN DÂN VIỆT NAM CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC (1858 – trước năm 1873)

I. LIÊN QUÂN PHÁP – TÂY BAN NHA XÂM LƯỢC VIỆT NAM. CHIẾN SỰ Ở ĐÀ NẴNG NĂM 1858

1. Tình hình Việt Nam trước khi Pháp xâm lược

◆ Về chính trị:

- » Giữa thế kỷ XIX, Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền.
- » Chế độ phong kiến Việt Nam giai đoạn này đã có những biểu hiện khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

◆ Về kinh tế:

- » Nông nghiệp: Sa sút, đói kém, mất mùa xảy ra liên miên.
- » Công – thương nghiệp: đình đốn, lạc hậu do chính sách độc quyền, “bế quan, tỏa cảng” của nhà Nguyễn.

◆ Quân sự: lạc hậu

◆ Ngoại giao: Sai lầm, thực hiện chính sách “cấm đạo”, đūổi giáo sĩ... tạo điều kiện cho các nước tư bản phương Tây xâm lược.

◆ Về xã hội:

- » Đời sống nhân dân ngày càng cực khổ.
- » Mâu thuẫn giữa nhân dân và triều đình ngày càng gay gắt. Nhiều cuộc khởi nghĩa bùng nổ.

2. Chiến sự ở Đà Nẵng năm 1858

◆ Âm mưu: Chiếm Đà Nẵng làm căn cứ rồi tấn công ra Huế nhanh chóng buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng

◆ Pháp tấn công Đà Nẵng:

- » 31/8/1858, liên quân Pháp -Tây Ban Nha kéo đến trước cửa biển Đà Nẵng
- » 1/9/1858, quân địch tấn công vào bán đảo Sơn Trà, mở đầu công cuộc xâm lược Việt Nam
- » Quân dân ta anh dũng chống trả, thực hiện “vườn không nhà trống”, cầm chân địch suốt 5 tháng

◆ Kết quả: Bước đầu làm thất bại âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

II. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP Ở GIA ĐỊNH VÀ CÁC TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM KÌ TỪ 1859 - 1862

1. Kháng chiến ở Gia Định

◆ Âm mưu của Pháp:

- » Gia Định xa Trung Quốc sẽ tránh được sự can thiệp của Nhà Thanh.
- » Xa kinh đô Huế sẽ tránh được sự can thiệp của triều đình Huế.
- » Chiếm được Gia Định là chiếm được vựa lúa lớn gây khó khăn cho triều đình nhà Nguyễn.
- » Chiếm xong Gia Định sẽ ngược lên đánh Campuchia, làm chủ lưu vực sông Mêkông.

◆ Diễn biến:

- » 9/2/1859, hạm đội Pháp tới Vũng Tàu, theo sông Cần Giờ lên Sài Gòn.
- » 16/2/1859, quân Pháp mới đến được Gia Định.
- » 17/2/1859, Pháp tấn công thành Gia Định. Quân triều đình tan rã nhanh chóng.
- » Nhân dân chủ động kháng chiến ngay từ đầu: chặn đánh, quấy rối, tiêu diệt gây cho quân Pháp nhiều khó khăn.
- » Pháp thất bại trong kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" chuyển sang "chinh phục từng gó nhỏ".
- » Năm 1860, Pháp gặp khó khăn phải dừng cuộc tấn công, lực lượng ở Gia Định mỏng.
- » 3/1860, triều đình cử Nguyễn Tri Phương xây dựng Đại đồn Chí Hòa.
- » 7/1860, nhân dân tấn công địch ở đồn Chợ Rẫy.

◆ Kết quả:

- » Pháp rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan.
- » Triều đình xuất hiện tư tưởng chủ hòa.

NHÂN DÂN VIỆT NAM CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC (1858 – trước năm 1873)

I. LIÊN QUÂN PHÁP – TÂY BAN NHA XÂM LƯỢC VIỆT NAM. CHIẾN SỰ Ở ĐÀ NẴNG NĂM 1858

II. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP Ở GIA ĐỊNH VÀ CÁC TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM KÌ TỪ 1859 – 1862

1. Kháng chiến ở Gia Định

2. Kháng chiến lan rộng ra các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Hiệp ước 5/6/1862

- ◆ Sau khi kết thúc chiến tranh ở Trung Quốc, Pháp mở rộng đánh chiếm nước ta.
 - » Ngày 23-2-1861, Pháp nổ súng tấn công và chiếm được đồn Chí Hoà.
 - » Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ: Gia Định (17/2/1859); Định Tường (12/4/1861); Biên Hoà (18/12/1861).
- ◆ Cuộc kháng chiến của nhân dân ngày càng phát triển mạnh mẽ.
 - » Lãnh đạo là các văn thân, sĩ phu yêu nước
 - » Lực lượng chủ yếu là nông dân "dân ấp dân lân"
 - » Các trận đánh lớn: Quý Sơn (Gò Công), vụ đốt tàu trên sông Nhật Tảo của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực.
- ◆ Triều đình đã kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862) cắt hẳn 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp và chịu nhiều điều khoản nặng nề.

III. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP Ở GIA ĐỊNH VÀ CÁC TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM KÌ TỪ 1859 – 1862

1. Nhân dân ba tỉnh miền Đông tiếp tục kháng chiến sau Hiệp ước 1862

Phong trào chống Pháp của nhân dân 3 tỉnh Miền Đông vẫn diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.

Cuộc khởi nghĩa của Trương Định gây cho Pháp nhiều thiệt hại lớn.

20/8/1864, Pháp tập kích căn cứ Tân Phước. Trương Định hi sinh. Kháng chiến thất bại.

2. Thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ

20/6/1867, Pháp kéo đến thành Vĩnh Long ép buộc Phan Thanh Giản phải nộp thành không điều kiện.

Pháp chiếm gọn 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên mà không tốn một viên đạn.

3. Nhân dân ba tỉnh miền Tây chống Pháp

Phong trào kháng chiến tiếp tục dâng cao.

- ◆ **Lãnh đạo:** các văn thân, sĩ phu yêu nước.
- ◆ **Các phong trào:** Trương Quyền, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân...
- ◆ **Kết quả:** Do lực lượng chênh lệch, vũ khí thô sơ nên phong trào bị đàn áp và thất bại.
- ◆ **Ý nghĩa:** Nêu cao tấm gương sáng chói về lòng yêu nước và chống giặc ngoại xâm.

CHIẾN SỰ LAN RỘNG RA CẢ NƯỚC. CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA TỪ NĂM 1873 ĐẾN NĂM 1884. NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG

I. THỰC DÂN PHÁP TIẾN ĐÁNH BẮC KÌ LẦN THỨ NHẤT (1873). KHÁNG CHIẾN LAN RỘNG RA BẮC KÌ.

1. Tình hình Việt Nam trước khi Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất

Sau khi Pháp chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ (1867) tình hình nước ta càng khủng hoảng nghiêm trọng.

◆ Về chính trị:

- » Nhà Nguyễn tiếp tục chính sách bảo thủ "Bế quan toả cảng"
- » Nội bộ quan lại phân hoá thành hai bộ phận chủ chiến và chủ hoà

◆ Về kinh tế: ngày càng kiệt quệ

◆ Về xã hội:

- » Nhân dân bất bình đứng lên đấu tranh chống triều đình
- » Nhà Nguyễn từ chối cải cách

2. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc kỳ lần nhất (1873)

◆ Hành động dọn đường xâm lược Bắc Kỳ của thực dân Pháp:

- » Sau khi thiết lập bộ máy cai trị ở Nam Kỳ, Pháp âm mưu xâm lược Bắc Kỳ.
- » Pháp cho gián điệp do thám tình hình miền Bắc.
- » Tổ chức lôi kéo một số tín đồ công giáo lầm lạc làm nội ứng. Chớp cơ hội khi nhà Nguyễn nhờ giải quyết "vụ Duy-Puy" đang gây rối ở Hà Nội, Pháp cử đại úy Gác-ni-ê đưa quân ra Bắc.

◆ Quá trình xâm lược Bắc Kỳ của thực dân Pháp:

- » **5/11/1873**: đội tàu chiến của Pháp do Gác-ni-ê dẫn đầu đến Hà Nội.
- » **19/11/1873**: Pháp gửi tối hậu thư cho tổng đốc thành Hà Nội.
- » **20/11/1873**: Pháp tấn công chiếm thành Hà Nội sau đó mở rộng đánh chiếm các tỉnh đồng bằng sông Hồng.

3. Phong trào kháng chiến ở Bắc kỳ trong những năm 1873 - 1874

◆ Hành động đối phó của triều đình:

- » Khi Pháp đánh thành Hà Nội, 100 binh sĩ triều đình chiến đấu và hi sinh đến người cuối cùng ở cửa Ô Thanh Hà.
- » Tổng đốc Nguyễn Tri Phương đã chỉ huy quân sĩ chiến đấu.
- » Nguyễn Tri Phương hi sinh thành Hà Nội thất thủ, quân triều đình nhanh chóng tan rã.

- ◆ Phong trào kháng chiến của nhân dân:
 - » Khi Pháp đến thành Hà Nội, nhân dân chủ động kháng chiến không hợp tác với giặc.
 - » **Ngày 21- 12- 1873:** quân ta phục kích tại Cầu Giấy, Gác-ni-e tử trận. Thực dân Pháp chủ động thương lượng với triều đình.
 - » **Năm 1874:** triều đình kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (1874) dâng toàn bộ 6 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp.

II. THỰC DÂN PHÁP TIẾN ĐÁNH BẮC KÌ LẦN THỨ HAI. CUỘC KHÁNG CHIẾN Ở BẮC KÌ VÀ TRUNG KÌ TRONG NHỮNG NĂM 1882 – 1884.

1. Thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ lần hai (1882 – 1884)

Nước Pháp đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa → tăng cường xâm lược thuộc địa.

Quân Pháp lợi dụng các điều khoản Hiệp Ước 1874 để phái người điều tra tình hình ở Bắc Kỳ.

Năm 1882, Pháp vu cáo triều đình, lấy cớ kéo quân ra Bắc.

2. Nhân dân Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ kháng chiến

- ◆ Cuộc chiến đấu của nhân dân Hà Nội
 - » Nhân dân tự tay đốt các dãy phố, tạo thành hàng rào lửa cản giặc.
 - » Khi Pháp tấn công vào thành (**25/4/1882**), Tổng đốc Hoàng Diệu đã trực tiếp chỉ huy quân sĩ kiên quyết chống cự.
 - » Khi thành mất, Hoàng Diệu đã tuẫn tiết theo thành.
- ◆ Cuộc chiến đấu của nhân dân Bắc Kỳ
 - » Quân dân các tỉnh xung quanh Hà Nội (như Sơn Tây, Bắc Ninh...) tích cực chống giặc tạo thành 2 gọng kìm áp sát Hà Nội.
 - » **19/5/1883:** Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai, Ri-vi-e tổng chỉ huy quân Pháp ở Bắc Kỳ tử trận → Cổ vũ nhân dân cả nước

III. THỰC DÂN PHÁP TẤN CÔNG CỬA BIỂN THUẬN AN. HIỆP ƯỚC 1883 VÀ HIỆP ƯỚC 1884.

1. Quân Pháp tấn công cửa biển Thuận An

18/8/1883: Pháp tấn công vào cửa biển Thuận An. Đến ngày 20/8, quân Pháp đổ bộ lên bờ.

2. Hai bản hiệp ước 1883 và 1884. Nhà nước phong kiến Nguyễn đầu hàng.

25/8/1883: triều đình Huế kí với Pháp hiệp ước Hác-măng.

6/6/1884: triều đình Huế kí với Pháp hiệp ước Pa-tơ-nốt.

→ Với hai bản hiệp ước này đã khẳng định, nhà Nguyễn đã hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp. Việt Nam trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến.

PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

I. PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG BÙNG NỔ

1. Cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến tại Kinh thành Huế và sự bùng nổ phong trào Cần Vương

a. Nguyên nhân

Sau hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt phong trào đấu tranh chống Pháp diễn ra sôi nổi.

Đứng đầu phái chủ chiến là Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi lên ngôi, ra sức chuẩn bị lực lượng quân sự, lương thực, vũ khí chống Pháp.

Thực dân Pháp tìm mọi cách loại phái chủ chiến ra khỏi triều đình.

b. Diễn biến của cuộc phản công của phái chủ chiến tại Kinh thành Huế (7/1885). Phong trào Cần vương bùng nổ.

- » **Đêm mừng 4 rạng sáng mừng 5/7/1885:** Tôn Thất Thuyết hạ lệnh tấn công Pháp ở đồn Mang Cá và toà Khâm sứ.
 - » **Sáng 5/7:** Pháp phản công, cướp bóc, tàn sát nhân dân ta.
 - » Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi đến Tân Sở (Quảng Trị).
 - » **Ngày 13/7/1885:** lấy danh nghĩa vua Tôn Thất Thuyết ra chiếu Cần Vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu... đứng lên giúp vua cứu nước.
- Phong trào Cần Vương bùng nổ kéo dài hơn 10 năm cuối thế kỉ XIX.

2. Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương

	Giai đoạn 1885 -1888	Giai đoạn 1888 - 1896
Lãnh đạo	Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết	Các văn thân và sĩ phu yêu nước
Lực lượng	Đông đảo nhân dân tham gia	
Địa bàn	Chủ yếu Bắc kì và Trung kì	Thu hẹp, quy tụ thành những trung tâm lớn chủ yếu ở vùng núi, trung du.
Khởi nghĩa tiêu biểu	Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê	Hùng Lĩnh, Hương Khê
Kết quả	Cuối năm 1888, vua Hàm Nghi bị bắt và bị đày sang Angiêri	Đầu 1896, phong trào Cần Vương chấm dứt

II. MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH TỰ VỆ CUỐI THẾ KỈ XIX

1. Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892)

- ◆ **Địa bàn:** Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Nam Định, Quảng Yên
- ◆ **Căn cứ:** Bãi Sậy (Hưng Yên)
- ◆ **Diễn biến:**
 - » 1885 – 1887: Nghĩa quân tập trung tổ chức lực lượng; Bẻ gãy nhiều trận càn của địch
 - » 1888 – 1892: Chiến đấu quyết liệt, gây cho Pháp và tay sai nhiều thiệt hại
- ◆ **Kết quả - ý nghĩa:**
 - » Tồn tại được 9 năm gây cho Pháp nhiều khó khăn
 - » Kế tục truyền thống yêu nước
 - » Cổ vũ nhân dân ta tiếp tục đấu tranh
 - » Kinh nghiệm tác chiến linh hoạt ở vùng đồng bằng

2. Khởi nghĩa Ba Đình (1886– 1887)

- ◆ **Địa bàn:** ở ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê (Nga Sơn – Thanh Hóa)
- ◆ **Căn cứ:** Ba Đình
- ◆ **Diễn biến:**
 - » Xây dựng căn cứ kiên cố, độc đáo.
 - » Xây dựng lực lượng tập trung có khoảng 300 người.
 - » Hoạt động chủ yếu chặn đánh các đoàn xe, toán lính đi qua căn cứ gây cho Pháp nhiều khó khăn.
- ◆ **Kết quả - ý nghĩa:**
 - » Cuộc khởi nghĩa bị dập tắt sau khi Pháp mở cuộc tấn công lớn vào căn cứ
 - » Thể hiện truyền thống chiến đấu bất khuất, cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta.
 - » Lợi dụng địa hình địa vật xây dựng căn cứ tránh thủ hiểm ở một chỗ

3. Khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1896)

- ◆ **Địa bàn:** Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình
- ◆ **Căn cứ:** Hương Khê
- ◆ **Diễn biến:**
 - » 1885 – 1888: Chuẩn bị lực lượng; Xây dựng căn cứ, cơ sở chiến đấu của nghĩa quân
 - » 1888 – 1896: Chiến đấu quyết liệt; Từ 1889, mở nhiều cuộc tập kích địch; Chủ động tấn công thẳng nhiều trận lớn nổi tiếng.

◆ **Kết quả - ý nghĩa:**

- » Từ cuối 1895, lực lượng nghĩa quân bị hao mòn.
- » Ngày 28/12/1895 Phan Đình Phùng hy sinh → 1896, khởi nghĩa kết thúc
- Là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương.

◆ **Nhận xét chung:**

- » Kế tục được truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, cổ vũ nhân dân tiếp tục đứng lên chống Pháp.
- » Kinh nghiệm tác chiến ở vùng đồng bằng (khởi nghĩa Bãi Sậy)
- » Biết lợi dụng địa hình, địa vật, tránh cố thủ ở một nơi, cần hoạt động chiến tranh du kích và liên hệ với các cuộc khởi nghĩa khác (Khởi nghĩa Ba Đình).
- » Kết thúc khuynh hướng cứu nước theo con đường phong kiến.

4. Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913)

◆ **Nguyên nhân:**

- » Do chính sách cướp bóc và bình định quân sự của thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng Bắc Kỳ.
- » Đe dọa đến cuộc sống những người nông dân và nhân dân các tộc miền núi ở vùng Yên Thế họ đã đứng lên tự vệ chiến đấu → Khởi nghĩa bùng nổ

◆ **Lãnh đạo:** Đề Năm, Đề Thám (Hoàng Hoa Thám)

◆ **Diễn biến:**

Giai đoạn	Sự kiện tiêu biểu
1884 - 1892	Chuẩn bị lực lượng và chống lại nhiều cuộc tấn công của Pháp
1893 - 1897	Hai lần giảng hòa với Pháp nhưng vẫn ngấm ngầm chuẩn bị lực lượng
1898 - 1908	Hòa hoãn, vừa sản xuất vừa luyện tập quân sự
1909 - 1913	Pháp tấn công, nghĩa quân di chuyển nhiều nơi. T2/1913, Đề Thám bị sát hại. Phong trào tan rã

XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 1918

I. NHỮNG CHUYỂN BIẾN KINH TẾ, XÃ HỘI TRONG CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT

1. Những chuyển biến về kinh tế

Năm 1897: toàn quyền Đông Dương, Pôn Đume tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914).

a. Mục đích:

Vơ vét sức người, sức của nhân dân Việt Nam tối đa để phục vụ cho sự phát triển của nền kinh tế Pháp.

b. Các chính sách:

- » *Nông nghiệp:* Đẩy mạnh cướp đoạt ruộng đất
- » *Công nghiệp:* Tập trung khai thác mỏ than và kim loại (than đá, thiếc, kẽm...) ngoài ra còn tập trung vào một số ngành khác như: điện, nước, xi măng...
- » *Thương nghiệp:* Độc chiếm thị trường, nguyên liệu, thu thuế.
- » *Giao thông vận tải:* Xây dựng hệ thống giao thông vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy) phục vụ cho việc khai thác, vơ vét và đàn áp nhân dân.

c. Tác động:

- » *Tích cực:*
 - Yếu tố kinh tế tư bản chủ nghĩa du nhập vào Việt Nam
 - Sản xuất được nhiều của cải vật chất hơn trước
- » *Tiêu cực:*
 - Tài nguyên thiên nhiên bị vơ vét cùng kiệt
 - Nông nghiệp: nông dân mất ruộng đất, bị bóc lột tàn nhẫn.
 - Công nghiệp: phát triển nhỏ giọt, thiếu hẳn công nghiệp nặng.
 - Thương nghiệp: Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hoá.

2. Những chuyển biến về xã hội

◆ Giai cấp địa chủ:

- » Một bộ phận dựa vào Pháp, ra sức chiếm đoạt ruộng đất, bóc lột nông dân, trở nên giàu có và trở thành tay sai của Pháp.
- » Một số địa chủ nhỏ, vừa bị đế quốc chèn ép, ít nhiều có tinh thần chống Pháp.

◆ Giai cấp nông dân:

- » Số lượng đông đảo
- » Bị thực dân Pháp và địa chủ chiếm đoạt ruộng đất, bóc lột

→ Cuộc sống khổ cực và lực lượng to lớn trong phong trào chống Pháp.

◆ **Giai cấp công nhân:**

- » Xuất thân từ nông dân, làm việc trong đồn điền, hầm mỏ, nhà máy, xí nghiệp... bị giai cấp tư sản bóc lột, đời sống khó khăn
- » Mâu thuẫn gay gắt với đế quốc phong kiến. Là lực lượng tiên tiến nhất trong xã hội
- » Là đồng minh tin cậy của giai cấp nông dân. Tích cực tham gia phong trào chống Pháp.

◆ **Tầng lớp tư sản:**

- » Là những người làm trung gian, đại lí hàng hóa...
- » Một số sĩ phu yêu nước lập ra các hội buôn, cơ sở sản xuất
- » Họ bị thực dân Pháp kìm hãm, tư bản Pháp chèn ép, thế lực kinh tế yếu
- » Ít nhiều có tinh thần dân tộc, chống đế quốc, chống phong kiến

◆ **Tầng lớp tiểu tư sản:**

- » Gồm những tiểu thương, tiểu chủ, viên chức, học sinh, sinh viên...
- » Có tư tưởng tiến bộ, tinh thần chống Pháp và phong kiến, là một bộ phận lực lượng cách mạng.

◆ **Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam:**

- » Mâu thuẫn dân tộc: giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp
- » Mâu thuẫn giai cấp: giữa nông dân và địa chủ và công nhân với tư sản

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

1. Những chuyển biến về kinh tế

- ◆ **Âm mưu của Pháp:** Vơ vét nhân lực, vật lực, tài lực để gánh đỡ những tổn thất và thiếu hụt của Pháp trong chiến tranh.
- ◆ **Chính sách kinh tế của Pháp:**
 - » Tăng các loại thuế
 - » Bắt nhân dân mua công trái
 - » Vơ vét lúa gạo, kim loại đưa về nước Pháp
 - » Bắt nông dân chuyển từ trồng lúa sang trồng cây công nghiệp
- ◆ **Tác động:**
 - » Trong nông nghiệp: Gây tổn hại nền nông nghiệp trồng lúa; nông dân bị bần cùng
 - » Trong công thương nghiệp:
 - Một số mỏ than, mỏ kim loại được đầu tư thêm vốn một số công ty khai thác mới xuất hiện.
 - Công việc kinh doanh của tư sản người Việt được mở rộng.

2. Tình hình phân hóa xã hội

- ◆ Chính sách của thực dân Pháp đã làm biến đổi kinh tế và thúc đẩy sự phân hóa xã hội:
 - » Nông dân tiếp tục bị bần cùng hóa và nhiều người bị bắt đi lính sang chiến trường Châu Âu
 - » Công nghiệp phát triển nên giai cấp công nhân tăng lên về số lượng
 - » Trong chiến tranh, tư sản, tiểu tư sản có tăng về số lượng, song chưa trở thành giai cấp. Họ bắt đầu lên tiếng đấu tranh bên vực quyền lợi cho người trong nước.

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN 1918

I. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1914

1. Phan Bội Châu và xu hướng bạo động

◆ Tiểu sử:

- » Phan Bội Châu, hiệu Sào Nam, tự Hải Thụ
- » Sinh ra tại huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
- » Trong gia đình nhà nho giàu truyền thống yêu nước
- » Năm 1900, bắt đầu con đường hoạt động cách mạng

◆ Chủ trương:

- » Dùng bạo lực để giành độc lập. Dựa vào Nhật để đánh đuổi Pháp.

◆ Hoạt động:

- » Tháng 5/1904, lập Duy tân hội ở Quảng Nam:
 - Mục đích đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, thành lập chính thể quân chủ lập hiến.
 - Hội tổ chức phong trào Đông du, đưa gần 200 học sinh sang Nhật học.
 - Tháng 9/1908, Nhật bắt tay với Pháp trục xuất tất cả lưu học sinh Việt Nam và Phan Bội Châu. Phong trào tan rã.
- » Tháng 6/1912, lập Việt Nam Quang phục hội:
 - Tôn chỉ "Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam".
 - Hội tổ chức ám sát những tên thực dân đầu sỏ, kể cả toàn quyền An-be Xa-rô
 - Gây được dư luận trong và ngoài nước, nhưng Pháp dựa vào đó tăng cường khủng bố, đàn áp.
- » 24/12/1913 : Phan Bội Châu bị giới quân phiệt Trung Quốc bắt giam ở nhà tù Quảng Đông.

2. Phan Châu Trinh và xu hướng cải cách

◆ Tiểu sử:

- » Phan Châu Trinh hiệu Tây Hồ.
- » Quê quán: phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
- » Năm 1900, đỗ cử nhân
- » Năm 1901 đỗ phó bảng, làm quan với triều đình Huế.
- » Năm 1904 từ quan, bắt đầu hoạt động cứu nước.

◆ **Chủ trương:**

» Cải cách đất nước, dựa vào Pháp để đánh đổ chế độ phong kiến.

◆ **Hoạt động:**

» Năm 1906, cùng một nhóm sĩ phu đất Quảng như: Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế mở cuộc vận động Duy Tân ở Trung kì.

» Nội dung cuộc vận động Duy Tân:

- *Kinh tế:* Chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh...
- *Giáo dục:* Mở trường dạy theo lối mới, lập trường nhiều nơi, dạy chữ quốc ngữ, dạy nhiều môn học mới...
- *Văn hóa:* Cải cách trang phục và lối sống, vận động nhân dân cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, bài trừ hủ tục...

» Năm 1908, phong trào chống thuế ở Trung kì, Pháp đàn áp dữ dội

» Năm 1908, bị án tù 3 năm ở Côn Đảo.

» Năm 1911, bị đưa sang Pháp

→ Là nhà cách mạng tiêu biểu cho xu hướng cải cách ở Việt Nam đầu thế kỉ XX

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH VŨ TRANG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU CHIẾN TRANH (1914 – 1918)

STT	Phong trào	Địa bàn	Hình thức đấu tranh	Thành phần chủ yếu	Kết quả
1	Hoạt động của Việt Nam Quang Phục Hội	Biên giới Việt Trung	Vũ trang	Công nhân, viên chức	Thất bại
2	Cuộc vận động của Thái Phiên, Trần Cao Vân	Trung kì		Nhân dân, binh lính	
3	Khởi nghĩa binh lính Thái Nguyên (1917)	Thái Nguyên		Tù chính trị, binh lính	
4	Phong trào Hội kín Nam Kỳ	Nam kì		Nông dân	
5	Khởi nghĩa vũ trang đồng bào dân tộc thiểu số	Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên		Các dân tộc thiểu số	

◆ **Nhận xét:**

» Phong trào đấu tranh lan rộng khắp cả nước, lôi kéo nhiều thành phần xã hội tham gia, hình thức đấu tranh chủ yếu là vũ trang.

» Kết quả: đều **thất bại** do bế tắc về đường lối đấu tranh, khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo.

III. SỰ XUẤT HIỆN KHUYNH HƯỚNG CỨU NƯỚC MỚI

1. Phong trào công nhân

Phong trào công nhân vẫn tiếp diễn ở nhiều nơi

» *Hình thức:* chính trị kết hợp với vũ trang

» *Mục tiêu:* chủ yếu đòi quyền lợi kinh tế

→ Phong trào công nhân thời kì này còn mang tính tự phát

2. Buổi đầu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc (1911 – 1918)

◆ Tiểu sử:

» Tên thật là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19/5/1890 tại Nam Đàn, Nghệ An

» Trong một gia đình trí thức yên nước.

» Sớm có tinh thần yêu nước và ý chí cứu nước.

» **5/6/1911:** Nguyễn Ái Quốc rời cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

◆ Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 – 1918:

» **Năm 1911 – 1917:** bôn ba qua nhiều nước làm nhiều nghề

→ Hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc

» **Năm 1917:** Nguyễn Ái Quốc trở lại Pháp, tích cực tham gia phong trào yêu nước của người Việt Nam ở hải ngoại